TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư
Ông Đoàn Văn Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Khu phố A, phường A, Thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 15-9-2024).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-6-2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: ông L và bà Huỳnh Thị Hoa đăng K kết hôn ngày 24-4-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nhau, bất đồng quan điểm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, mỗi người có cuộc sống riêng, đã sống ly thân với nhau nhiều năm. Về hôn nhân: ông L yêu cầu ly hôn với bà H. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phúc T, sinh ngày 26-10-2008. Ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà

H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nợ chung.

Bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Huỳnh Thị H. Bà H cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần) nhưng không có mặt để tham gia hòa giải. Vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông L: ông L và bà H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 24-4-2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông L cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cãi nhau, bất đồng quan điểm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, mỗi người có cuộc sống riêng, đã sống ly thân với nhau nhiều năm. Tòa án đã triệu tập bà H để hòa giải hai lần nhưng bà H vẫn vắng mặt, bỏ mặc, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về quan hệ hôn nhân giữa bà và ông L. Xét mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: ông L cho rằng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phúc T, sinh ngày 26-10-2008. Bà H vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về con chung. Ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, cháu T cũng thể hiện nguyên vọng muốn sống với ông L. Do đó, để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển của cháu T thì giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là quyền tự định đoạt của ông L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu giải quyết về tài sản và cho rằng không có nợ chung. Bà H vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu

sau này giữa ông L và bà H có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông L đã nộp. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với bà Huỳnh Thị H về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về nuôi con chung: ông Nguyễn Văn L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Phúc T, sinh ngày 26-10-2008. Ghi nhận tạm thời việc bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, ông L, bà H được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004543 ngày 05-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên